TRẦN MỘNG TÚ

Người Đem Thơ Đi Qua Những Mùa Mưa

V.N.

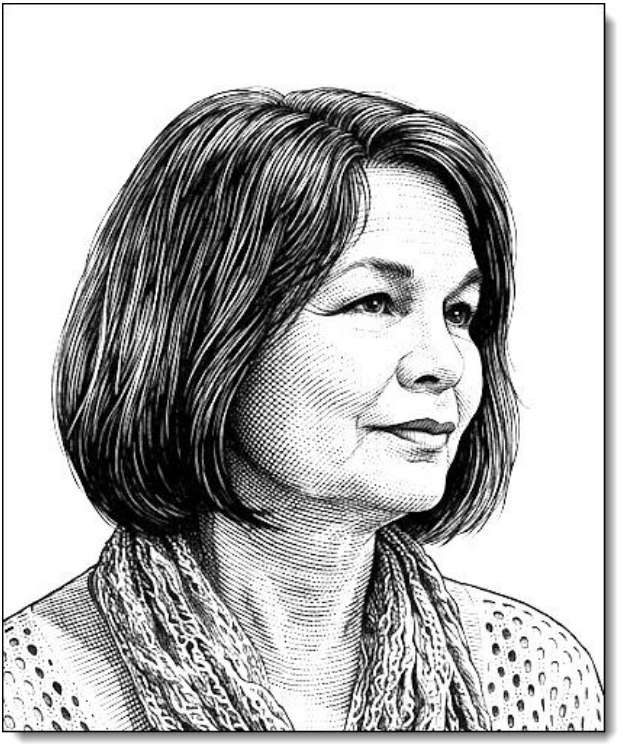

Nhà thơ Trần Mộng Tú

Có những người mình chưa từng gặp mặt, nhưng qua thơ văn, ta đã cảm thấy thân quen từ lâu. Đến khi có dịp gặp nhau ngoài đời, cái cảm giác xa lạ hầu như không còn nữa. Trần Mộng Tú đối với vợ chồng chúng tôi là một người như thế.

Chúng tôi đã đọc thơ chị từ những năm 1990, khi những bài thơ của chị thỉnh thoảng được giới thiệu trên đài phát thanh Little Saigon. Hồi ấy, thơ Trần Mộng Tú đã có một chỗ đứng riêng trong lòng người nghe. Thơ chị không cầu kỳ, không cố làm ra vẻ thâm thúy, cũng không dùng những hình ảnh xa lạ để gây ấn tượng. Chị thường viết về những điều rất gần với đời sống: một cơn mưa, một chiếc lá, một buổi chiều, một người thân, một nỗi nhớ. Nhưng qua cách nhìn và cách diễn tả của chị, những điều bình thường ấy bỗng mang một ý nghĩa khác, đôi khi khiến người đọc phải dừng lại suy nghĩ.

Cho nên, khi có dịp gặp chị ngoài đời, chúng tôi có cảm giác như gặp lại một người thân lâu ngày xa cách.

... Một người viết có nhiều căn cước văn chương

Nói đến Trần Mộng Tú, người ta thường nghĩ đến một nhà thơ. Điều đó không sai, nhưng chưa đủ. Chị còn là một nhà văn viết truyện ngắn, tản văn, và từng đảm nhiệm công việc chủ biên một tạp chí phụ nữ. Những hoạt động ấy cho thấy chị không chỉ có khả năng sáng tác thơ mà còn có sự quan tâm rộng rãi đến đời sống văn chương và sinh hoạt của cộng đồng người Việt.

Tác phẩm của chị xuất hiện trên nhiều diễn đàn văn học, từ hải ngoại đến trong nước. Nhiều bài thơ được phổ nhạc. Một số sáng tác của chị được giới văn học Hoa Kỳ tuyển dịch và giới thiệu bằng Anh ngữ. Đặc biệt, bài thơ

Quà Tặng Trong Chiến Tranh [1] (*The Gift in Wartime*), qua bản dịch tiếng Anh, đã được đưa vào một tuyển tập dùng trong chương trình giáo khoa bậc trung học, đặt bên cạnh bài diễn văn *Gettysburg* của Tổng thống Abraham Lincoln. Việc đặt hai tác phẩm cạnh nhau tạo cơ hội cho học sinh tìm hiểu và so sánh những mất mát của hai dân tộc qua hai cuộc nội chiến.

Đó là một vinh dự đáng kể. Một bài thơ viết bằng tiếng Việt, xuất phát từ kinh nghiệm đau thương của một người phụ nữ Việt Nam, nay được đọc trong lớp học của những học sinh Mỹ. Khoảng cách ngôn ngữ đã được vượt qua bằng một thứ ngôn ngữ khác mà mọi dân tộc đều có thể hiểu: nỗi đau của con người trước chiến tranh.

1

QUÀ TẶNG TRONG CHIẾN TRANH

Em tặng anh hoa hồng
Chôn trong lòng huyệt mới
Em tặng anh áo cưới
Phủ trên nấm mồ xanh

Anh tặng em bội tinh
Kèm với ngôi sao bạc
Chiếc hoa mai màu vàng
Chưa đeo còn sáng bóng

Em tặng anh tuổi ngọc
Của những ngày yêu nhau
Đã chết ngay từ lúc
Em nhận được tin sầu

Anh tặng em mùi máu
Trên áo trận sa trường
Máu anh và máu địch
Xin em cùng xót thương

Em tặng anh mây vương
Mắt em ngày tháng hạ
Em tặng anh đông giá
Giữa tuổi xuân cuộc đời

Anh tặng môi không cười
Anh tặng tay không nắm
Anh tặng mắt không nhìn
Một hình hài bất động

Anh muôn vàn tạ lỗi
Xin hẹn em kiếp sau
Mảnh đạn này em giữ
Làm di vật tìm nhau

Tại Seattle, thơ Trần Mộng Tú còn được khắc trên một bảng đá đặt ngay cửa vào nhà sách Uwajimaya, khu Chinatown, tiểu bang Washington. Đó là một hình thức ghi nhận đáng quý. Thơ vốn là thứ nghệ thuật được viết ra để đọc, để nghe, để cảm nhận; nay lại được khắc vào đá, trở thành một phần của cảnh quan thành phố. Những người đi ngang có thể không biết tác giả là ai, nhưng ít nhất một bài thơ Việt Nam đã có một chỗ đứng giữa đời sống của một thành phố Hoa Kỳ.

Nhìn lại đường sáng tác của chị, chúng ta thấy một gia tài khá phong phú, gồm thơ, truyện ngắn và tản văn. Từ *Thơ Trần Mộng Tú* xuất bản năm 1990, *Câu chuyện của lá phong* năm 1994, *Để em làm gió* năm 1996, *Cô Rơm và Những truyện ngắn khác* năm 1999, đến *Ngọn nến muộn màng* năm 2005, *Mưa Sài Gòn, mưa Seattle* năm 2006, *Vườn măng cụt* năm 2009 và *Thơ tuyển bốn mươi năm*, chị đã chứng tỏ sức viết bền bỉ của mình qua nhiều thể loại.

Điều đáng chú ý hơn cả không phải là số lượng tác phẩm, mà là thế giới tinh thần của người viết. Đọc Trần Mộng Tú, ta thường gặp một người phụ nữ dịu dàng, giàu tình cảm, có óc quan sát tinh tế, nhưng bên dưới sự dịu dàng ấy là một ký ức không dễ nguôi ngoai. Chị có thể viết về một buổi sáng đầy nắng, một ly cà phê, một hồ nước xanh, nhưng ở một góc nào đó, quê nhà vẫn hiện ra. Có khi chỉ là một giọt mưa, một cánh hoa, một tiếng động rất nhỏ cũng đủ làm ký ức thức dậy.

... Những bữa cơm Việt Nam và những câu chuyện văn chương

Tôi có dịp quen biết chị Trần Mộng Tú qua anh Phạm Phú Minh, trong một vài lần họp mặt, khi thì ở nhà anh Minh, lúc thì tại tư gia anh Trần Huy Bích.

Có một điều khá thú vị là cả hai vợ chồng tôi đều đã là người ái mộ thơ Trần Mộng Tú từ trước. Vì thế, những lần gặp gỡ đầu tiên không mang cảm giác làm quen với một người mới, mà giống như được gặp một người đã quen từ lâu qua tiếng thơ trên đài phát thanh.

Những lần chị từ Seattle xuống thăm Nam California, chị rủ chị Bùi Bích Hà thỉnh thoảng ghé nhà chúng tôi. Những bữa cơm trưa Việt Nam giản dị bỗng trở thành những buổi họp mặt văn chương bất đắc dĩ, nhưng rất vui.

Thực đơn trong nhà không có gì đặc biệt: cá lù đù chiên giòn, chén nước mắm nhỉ dầm ớt hiểm thật cay, tô canh tập tàng nấu với mướp, thêm vài món rau hái ngay trong vườn sau nhà. Đối với những người Việt xa quê, đôi khi một bữa cơm như thế lại có sức quyến rũ hơn một bữa tiệc thịnh soạn ở nhà hàng. Mùi cá chiên, vị ngọt của canh rau, chút mướp nhà trồng, tất cả đều gợi lại một nếp sống cũ mà người xa xứ thường mang theo trong trí nhớ.

Chị Tú lúc nào cũng có thơ mới để đọc cho chúng tôi nghe. Chị Hà thì thường có những nhận xét rất mới mẻ, đôi khi chỉ một câu bình luận cũng đủ làm mọi người bật cười hoặc suy nghĩ thêm về một vấn đề văn chương.

Có lần buổi họp mặt lại trùng với ngày sinh nhật chị Trùng Dương. Thế là niềm vui càng thêm vui. Trong những câu chuyện ôn cố tri tân, chúng tôi không quên nhắc đến việc thơ Trần Mộng Tú được tuyển chọn đưa vào sách giáo khoa Hoa Kỳ, bên cạnh diễn văn Gettysburg của Tổng thống Lincoln.

Đối với chị Tú, có lẽ đó là một vinh dự trong đời cầm bút. Đối với chúng tôi, những người bạn văn và độc giả Việt Nam tại hải ngoại, đó còn là một niềm hãnh diện chung. Một bài thơ Việt Nam được học sinh Hoa Kỳ đọc và tìm hiểu, điều ấy đáng quý biết bao!

Cũng qua chị Tú, tôi có dịp quen biết thêm một số anh chị em văn hữu ở Seattle, qua những thư điện tử trao đổi trong nhóm, như chị Phạm Hảo, anh Lê Hữu và một vài người bạn khác, dù đến nay chưa có dịp gặp mặt tất cả.

Tôi kể lại những chuyện ấy không phải để nói rằng mình có một mối giao tình đặc biệt với tác giả mà chỉ muốn ghi nhận rằng văn chương đôi khi làm được một việc rất đẹp: đưa những người vốn ở cách xa nhau hàng ngàn dặm đến gần nhau hơn. Có những người bạn ta quen qua một bữa cơm, có những người bạn ta quen qua một trang sách, và cũng có những người bạn mà ta vừa đọc thơ, vừa gặp mặt, vừa được nghe họ đọc chính những câu thơ của mình.

... MÙA MƯA SEATTLE – Khi một cơn mưa gọi dậy cả một đời người

Trong bốn tác phẩm được giới thiệu trong tập *Seattle Xanh Mãi Ngàn Năm*, xin được bắt đầu bằng đoản văn *Mùa mưa Seattle*. Đây là một bài viết có nhiều tầng ý nghĩa, và cũng là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất để nhận ra nghệ thuật tùy bút của Trần Mộng Tú.

Bài viết mở đầu bằng một chuyện rất bình thường: gia đình chị rời California để tìm một nơi có đời sống thong thả, yên ổn cho con cái, nhưng lại rơi ngay vào một thành phố mưa gần như quanh năm. Seattle hiện ra qua tiếng mưa ban đêm, qua những ngày trời âm u, qua những giọt nước gõ nhẹ trên mái nhà.

Đối với một người sinh trưởng ở miền Nam Việt Nam, mưa không phải là một hiện tượng thời tiết đơn thuần. Mưa đã trở thành một phần của tuổi thơ, tuổi mới lớn và những kỷ niệm tình yêu.

Chị nhớ những buổi đi học về, lỡ chuyến xe buýt, phải đi bộ dưới mưa. Chiếc áo dài trắng ướt sũng, chiếc cặp sách ôm trước ngực, cô học trò mười sáu, mười bảy tuổi vừa chạy vừa sợ người khác nhìn thấy mình trong tình trạng lôi thôi. Về đến nhà, mẹ bắt thay quần áo, uống một ly trà nóng, lau khô mái tóc, thế là lại ấm người.

Rồi những cơn mưa trong thời mới lớn, khi hai người yêu nhau cùng che chung một chiếc áo mưa hay một cái dù. Người con gái vừa bối rối, vừa sợ ướt chiếc áo dài, nhưng trong lòng lại mong mưa đừng tạnh và con đường đừng hết.

Đọc đến đây, người ta dễ mỉm cười. Một kỷ niệm nhỏ, một cách nhớ rất nữ tính, nhưng có sức gợi lớn. Người viết không cần giải thích tình yêu tuổi học trò đẹp như thế nào. Chỉ cần một chiếc áo mưa, một con đường và một ước muốn rất kín đáo, người đọc đã hiểu.

Nghệ thuật của Trần Mộng Tú nằm ở chỗ chị biết dùng một sự vật bên ngoài để khơi dậy một vùng tình cảm bên trong nhưng bài viết không dừng lại ở những kỷ niệm êm đềm ấy. Khi so sánh mưa Sài Gòn với mưa Seattle, chị nhận ra hai thứ mưa có âm thanh, nhịp điệu và cả tâm trạng khác nhau.

Mưa Sài Gòn thường bất chợt, mạnh mẽ, có khi ầm ầm trên những mái tôn, có khi rả rích trên những tàu lá chuối. Mưa Seattle thì nhẹ nhàng, âm thầm, có khi chỉ nghe tiếng gió và tiếng lá chạm vào nhau.

Một câu thơ xuất hiện giữa đoạn văn:

Sáng nay ra phố gội đầu
Giọt mưa sợi tóc ôm nhau khóc òa.

Hai câu thơ ngắn mà có duyên. Giọt mưa và sợi tóc được nhân cách hóa thành hai người đang ôm nhau khóc. Cách diễn tả vừa tinh nghịch, vừa dịu dàng, lại vừa có chút buồn. Đó là một nét rất riêng trong thơ Trần Mộng Tú: ngay cả khi viết về nỗi buồn, chị vẫn giữ được một chút mềm mại, không làm cho câu thơ trở nên nặng nề.

Tuy nhiên, đoạn gây chú ý nhất lại là hình ảnh chiếc phà chở quan tài từ Sài Gòn qua Thủ Thiêm. Trên quan tài là lá quốc kỳ ướt sũng nước mưa, bát nhang tắt ngấm,

người lính đi tháp tùng đứng im lìm bên cạnh. Tất cả hiện lên trong một gam màu xám lạnh, như một bức tranh sơn dầu. Ở đây, người viết đã chuyển hẳn từ ký ức riêng sang ký ức lịch sử.

Cơn mưa Seattle không còn chỉ là cơn mưa của hiện tại. Nó đánh thức một hình ảnh từ quá khứ, một hình ảnh mà chị đã mang theo suốt mấy chục năm sống ở quê người. Chị gọi đó là tài sản duy nhất còn sót lại của đời người di tản. Đây là một câu văn rất đáng nhớ. Người ta thường nói người di tản mang theo hành lý, giấy tờ, hình ảnh gia đình, đôi khi cả một ít kỷ vật. Nhưng Trần Mộng Tú lại nói đến một bức tranh nằm trong tâm khảm. Đó là một tài sản vô hình, không thể cân đo, không thể bán đi, cũng không thể bỏ lại ở bất cứ phi trường nào.

Một đoạn khác kể về đêm gia đình chị đến trại tị nạn Pendleton. Trời mưa, khí hậu sa mạc California lạnh cóng. Mọi người được phát những chiếc áo lính cùng một cỡ để mặc cho ấm. Trong bóng tối, những người tị nạn trông như những bụi cây không đều nhau, biết đi. Họ đứng xếp hàng chờ nhận lều, nước mưa hòa lẫn nước mắt. Một hình ảnh rất ngắn, nhưng người đọc khó quên.

Cũng trong bài này, chị kể ngày cưới của mình ở California lại gặp mưa. Theo phong tục Hoa Kỳ, người ta tung gạo vào cô dâu chú rể để cầu chúc may mắn. Mẹ chị, một người Việt Nam theo Công giáo, thấy cảnh ấy thì hoảng hốt vì ở quê nhà, người ta thường ném gạo theo sau quan tài để người chết khỏi đói.

Chị kết luận bằng một ý nghĩ hóm hỉnh: cả hai phong tục đều hay, vì nếu lấy nhau mà không được nuôi bằng tình yêu thì cũng bị đói vậy. Đây là một chi tiết rất duyên. Giữa những hồi ức nặng nề về chiến tranh và lưu vong, người viết vẫn giữ được óc hài hước nhẹ nhàng. Chị không biến mình thành một người chỉ biết than khóc quá khứ.

Kết thúc bài viết, mưa Seattle, mưa Sài Gòn, mưa trên chiếc áo quan, mưa trên chiếc áo dài trắng, mưa trên vai người tị nạn và mưa trong một đám cưới ở California cùng hiện ra. Những giọt nước giống nhau, nhưng ý nghĩa của chúng hoàn toàn khác nhau tùy theo nơi chúng rơi xuống và cuộc đời của người đón nhận chúng.

Câu kết: "*Ước gì có ai vẽ được linh hồn của những giọt mưa!*"Đây là câu kết đẹp nhất của đoản văn. Nó vừa là một lời ước, vừa là một câu hỏi, vừa là một cách nói về giới hạn của nghệ thuật. Người họa sĩ có thể vẽ hình thể của mưa, người nhạc sĩ có thể diễn tả tiếng mưa, nhà thơ có thể viết về mưa, nhưng linh hồn của những giọt mưa lại chứa đựng những kỷ niệm riêng của từng người.

Một cơn mưa có thể làm người này vui, người kia buồn, người khác nữa nhớ đến một người đã mất. Mưa không có linh hồn, nhưng tâm hồn con người đã gửi vào đó biết bao nhiêu điều.

Và Trần Mộng Tú đã viết được điều ấy.

... ĐƯA EM XUỐNG PHỐ – Một bài thơ về lòng nhân ái

Nếu *Mùa mưa Seattle* là một đoản văn lấy thiên nhiên làm cớ để trở về với ký ức, thì *Đưa em xuống phố* lại là một bài thơ đưa người đọc đi từ một buổi sáng mùa thu đẹp đẽ đến một khám phá bất ngờ về tình thương và đức tin.

Bài thơ được gợi cảm hứng từ bức tượng đồng *Homeless Jesus* của nhà điêu khắc Canada Timothy Schmalz, đặt trước nhà thờ Christ Our Hope ở trung tâm Seattle.

Bức tượng diễn tả Chúa Giêsu nằm trên một băng ghế, thân thể phủ kín bằng một tấm chăn, chỉ để lộ hai bàn chân. Những vết thương trên bàn chân cho người xem nhận ra đó chính là Chúa Giêsu.

Trần Mộng Tú đã biến hình ảnh ấy thành một câu chuyện thơ.

Bài thơ bắt đầu bằng một buổi sáng đầu thu:

> *Sáng đầu thu anh đưa em xuống phố*
> *gió xôn xao trên vòm cây*
> *nắng ấm áp và không gian trong vắt*
> *mình dắt nhau trên những phố đông người*

Đó là một khung cảnh rất bình thường của đời sống đô thị. Hai người đi bên nhau, xe cộ qua lại, người mù dắt chó đứng chờ đèn xanh, những chiếc lá vàng lá nâu đuổi nhau trên vỉa hè.

Chị nhìn thấy cả những điều nhỏ nhặt mà nhiều người thường bỏ qua. Con chó nhìn ngọn đèn, ngọn đèn nhìn con chó. Một hình ảnh ngộ nghĩnh, gần như trẻ thơ, nhưng lại khiến cảnh phố có sinh khí.

Hai người ghé vào một tiệm ăn, gọi một miếng bánh mì bẻ làm hai, một ly nước lọc, đĩa rau xanh, khoai chiên vàng, vài lát cà chua đỏ. Chị viết: "*đời giản dị như bức tranh giản dị*"

Người đọc hẳn sẽ thích câu thơ này: chỉ một bữa ăn đơn sơ mà trở thành một bức tranh. Không cần phải có những món ăn cầu kỳ, một chiếc bàn sang trọng hay một nhà hàng nổi tiếng. Hai người cùng đi dưới nắng, cùng chia nhau miếng bánh mì, thế là đủ.

Nhưng cuộc dạo phố không chỉ có mùa thu và tình yêu đôi lứa. Khi hai người đến gần một giáo đường, tác giả nhận thấy tòa nhà không có tháp chuông như những nhà thờ thường thấy, bởi phần trên đã được dùng làm nơi trú ngụ cho những người nghèo khó, không nhà cửa.

Bên trong có Đức Mẹ, bình hoa tím và một hồ nước nhỏ. Trên thành hồ khắc lời Kinh Thánh:

> *Khi con vượt biển Ta sẽ ở bên con và qua cả*
> *những dòng sông*
> *không ai đàn áp được con.*

Đây là một chi tiết có ý nghĩa đặc biệt đối với người Việt di tản. Hình ảnh vượt biển không chỉ là một biến cố địa lý. Đó còn là cuộc vượt qua sợ hãi, hiểm nguy, mất mát và những ngày tháng không biết tương lai sẽ ra sao. Lời

Kinh Thánh vì thế không còn là một câu giáo lý trừu tượng. Nó có thể trở thành lời an ủi dành cho những người từng vượt biển tìm tự do.

Nhưng cao điểm của bài thơ nằm ở cuộc đối thoại giữa hai người. Người đàn ông chỉ ra một người đang nằm co ro trên chiếc ghế bên ngoài nhà thờ, hai bàn chân gầy thò ra khỏi tấm chăn. Anh nói:

"*Chúa đấy*"

Người phụ nữ không tin. Chị nhìn mãi mà không tìm thấy điều gì giống với hình ảnh Chúa trong trí tưởng tượng của mình. Chị nghĩ anh chỉ nói đùa. Nhưng khi nhìn kỹ hai bàn chân, chị nhận ra những vết thương lớn. Đó là dấu tích của những chiếc đinh đóng vào chân Chúa Giêsu.

Lúc ấy, một người đàn ông da đen đi ngang qua, vừa vung tay vừa nói như hát:

"*Chúa đấy, Chúa đấy sao không nhận ra*"

Câu nói ấy làm thay đổi toàn bộ ý nghĩa của cuộc dạo phố.

Chúa không nhất thiết phải hiện ra trong ánh sáng huy hoàng, trên bàn thờ hay trong những bức tranh thánh. Chúa có thể nằm co ro trên một băng ghế ngoài công viên, dưới một tấm chăn cũ, bên cạnh những người vô gia cư khác. Chúa ở trong những con người nghèo khổ, yếu đuối, bị bỏ quên và không có ai chăm sóc.

Homeless Jesus, tượng đồng của
Timothy Schmalz, Canadian Sculptor (*)

Cái hay của bài thơ là tác giả không trình bày một bài giảng về lòng nhân ái. Chị chỉ kể một câu chuyện. Người đọc đi theo hai nhân vật, nhìn thấy cảnh phố, nhìn thấy nhà thờ, nhìn thấy người nằm trên ghế, rồi cùng nhân vật nữ nhận ra điều mà trước đó mình chưa hiểu.

Câu kết: "*Hai bàn chân đó là chân của Chúa*." Đây là một câu thơ giản dị nhưng có sức nặng.

Đưa em xuống phố là một trong những bài thơ có ý tưởng nhân bản rõ rệt nhất trong bốn tác phẩm. Nó không chỉ nói về tình yêu giữa hai người, mà còn mở rộng tình yêu ấy đến những con người xa lạ.

Ở đầu bài thơ, anh đưa em xuống phố để cùng thưởng thức mùa thu. Ở cuối bài thơ, anh đưa em đến một cuộc gặp gỡ với lòng nhân ái. Người phụ nữ tưởng mình được tặng một buổi đi chơi, nhưng cuối cùng lại nhận được một bài học về cách nhìn con người.

Một bài thơ có thể làm được như thế là một bài thơ đáng đọc.

... NGỤM CÀ PHÊ THÁNG TƯ – Một vết thương không thành sẹo

Nếu phải chọn một tác phẩm có sức nặng tâm tình nhất trong bốn bài, người viết sẽ chọn *Ngụm cà phê tháng tư*.

Đây là một đoản văn mà người đọc không nên vội vàng. Càng đọc chậm, người ta càng cảm nhận được nỗi đau nằm phía sau những câu văn tưởng như bình thản.

Bài viết mở đầu bằng bốn câu thơ:

> *Ly cà phê đắng*
> *Ta ngồi một mình*
> *ly cà phê cạn*
> *lòng như tháng tư*
> *đứt ra từng đoạn"=.*

Chỉ một ly cà phê đen còn lại một ngụm cuối cùng, nhưng tác giả lại nhìn thấy trong đó cả một quãng đời.

Chị ngồi trong một quán Starbucks ở Bellevue, cúi nhìn chiếc ly giấy, do dự chưa muốn uống hết ngụm cà phê cuối cùng. Màu cà phê đen đặc, sóng sánh, trông giống một ngụm nước mắt. Một liên tưởng rất bất ngờ: "*Chao ôi nước mắt đã có một lúc nào đó, ta ngửa cổ uống được cả ngụm hay sao!*"

Từ chiếc ly cà phê, tác giả đi thẳng vào tháng Tư năm 1975.

Tháng Tư ấy không chỉ là một ngày tháng trên lịch. Nó là sự đứt đoạn của một đời người. Cha, mẹ, vợ, chồng, con cái, anh chị em, bạn hữu, mỗi người một nơi. Có

người mất tích, có người không bao giờ gặp lại, có người còn sống nhưng tâm hồn đã ngơ ngẩn.

Tác giả không kể chiến tranh bằng những con số, những bản thống kê hay những lời tuyên bố chính trị. Chị kể bằng sự tan tác của những gia đình.

Đó là cách nhìn của một người phụ nữ. Chiến tranh đối với người viết không chỉ là sự thất trận của một đạo quân hay sự thay đổi của một chính thể. Chiến tranh còn là sự chia lìa của những người thân trong một gia đình, là những cuộc gặp gỡ không bao giờ có lại, là những người ra đi mà không biết người ở lại còn sống hay đã chết.

Một trong những đoạn văn đáng chú ý nhất là khi chị ngồi giữa những người xa lạ trong quán cà phê ở Bellevue.

Những người ấy không phải bạn bè, nhưng cách ăn mặc, cách kéo ghế, cách nghiêng mình xin lỗi khi đi ngang qua một người khác khiến chị cảm thấy thân thuộc. Họ có những cử chỉ quen thuộc của dân bản xứ mà chị đã nhìn thấy suốt mấy chục năm.

Rồi chị tưởng tượng nếu mình ngồi trong một quán cà phê ở Việt Nam, giữa những người Việt Nam, có lẽ chị lại cảm thấy thất lạc. Người ở quê nhà đã thay đổi, cách ăn mặc và cư xử cũng khác trước. Chị trở thành một người xa lạ ngay trên chính quê hương mình.

Đây là một nhận xét rất tinh tế về thân phận lưu vong. Người di tản sống lâu năm ở một xứ sở mới, dần dần

quen với phong tục, ngôn ngữ và nếp sinh hoạt của nơi ấy. Nhưng điều đó không có nghĩa là họ đã hoàn toàn trở thành người bản xứ. Khi trở về quê nhà, họ lại có cảm giác mình không còn thuộc về nơi ấy nữa.

Vậy họ thuộc về đâu?

Có lẽ đó chính là câu hỏi âm thầm nằm dưới toàn bộ bài viết.

Tháng Tư ở Bellevue là mùa xuân. Hoa đào nở, hoa táo và hoa lê trắng vườn, nắng mới lách qua những khung cửa. Nhưng mùa xuân của người khác lại trở thành mùa gợi nhớ của người di tản.

Tác giả viết:

> *Anh ạ tháng tư mềm nắng lụa*
> *hoa táo hoa lê nở trắng vườn*
> *quê nhà thăm thẳm sau trùng núi*
> *em mở lòng xem lại vết thương*

Bốn câu thơ có một nét đẹp rất riêng. Cảnh vật bên ngoài thật thanh bình, nhưng tâm hồn bên trong lại mở ra một vết thương cũ.

Cái tương phản giữa hoa nở và vết thương làm cho bài thơ trở nên buồn hơn. Đáng lẽ tháng Tư phải là mùa của sự sống, của cây cối đâm chồi, của nắng mới. Nhưng đối với người viết, tháng Tư còn là tháng của một quá khứ không thể khép lại.

Đoản văn tiếp tục bằng những tin tức đau lòng mà người Việt ở khắp nơi thường chuyển cho nhau: hài cốt

quân nhân Việt Nam Cộng Hòa được tìm thấy bên đường, những hố chôn tập thể, những người tù cải tạo, những sĩ quan tự sát trong ngày cuối cùng, những người vượt biển không bao giờ tới bến.

Tác giả không kể những chuyện ấy để gây xúc động bằng cách cường điệu. Chị chỉ ghi lại những mẩu tin, những dòng chữ, những hình ảnh đã từng xuất hiện trên mạng. Nhưng chính sự bình thản trong cách ghi chép lại khiến người đọc cảm thấy đau lòng.

Có một câu chị viết: "*Đau đớn nhất là bao giờ khi xem hình, khi đọc những bài viết xong, cuối cùng mình nhận thức rất rõ rệt: đó là một cuộc chiến huynh đệ tương tàn. Người giết và người bị giết đều mang họ Nguyễn, họ Lê, họ Trần*."

Đây là một nhận thức đáng suy nghĩ.

Đằng sau những danh từ chính trị, những danh hiệu quân sự và những ranh giới ý thức hệ, người Việt vẫn là người Việt. Những người chết, những người mất tích, những người phải rời bỏ quê hương đều có gia đình, có cha mẹ, có vợ con và những ước mơ bình thường như bao người khác.

Người đọc có thể sẽ đặc biệt chú ý đến câu: "*Nỗi đau tháng tư với một số đông người Việt ở thế hệ bạn hữu tôi, là một vết thương không thành sẹo được, nó lên da non, rồi ngưng lại ở đó. Nhìn xuống vẫn thấy màu hồng, vẫn thấy như còn rơm rớm máu*." Câu văn diễn tả chính xác tâm trạng của một lớp người Việt Nam lưu vong.

Một vết thương đã lên da non nhưng không thành sẹo. Nghĩa là nó không còn chảy máu mỗi ngày, nhưng cũng không bao giờ thực sự lành. Người ta vẫn sống, vẫn làm việc, vẫn nuôi con, vẫn đi du lịch, vẫn uống cà phê, vẫn thưởng thức mùa xuân. Nhưng chỉ cần một hình ảnh, một bản nhạc, một tin tức, một ngày tháng cũ, vết thương ấy lại hiện ra. Và khi người viết đứng dậy, trở về nhà, chị viết: "*tiếp tục sống với trái tim di tản*."

Đây là câu kết có sức ám ảnh nhất trong bốn tác phẩm. Người ta có thể rời khỏi quê hương, có thể có một căn nhà mới, một công việc mới, một đời sống mới. Nhưng trái tim di tản thì không dễ gì trở về trạng thái cũ.

Điều đáng quý là Trần Mộng Tú không viết bài này bằng giọng oán hận. Chị đau buồn, xót xa, có những nhận xét gay gắt trước những mất mát và bất công, nhưng cuối cùng điều còn lại vẫn là lòng thương người và nỗi đau chung của một dân tộc.

Một ly cà phê đắng, một mình trong quán, thế mà đã chứa được cả một tháng Tư của lịch sử Việt Nam.

Đó là sức mạnh của tùy bút.

... VIẾT TỪ HỒ SAMMAMISH – Cảnh đẹp của quê người và nỗi buồn của kẻ lưu vong

Sau ba tác phẩm có nhiều suy tư về ký ức và thân phận, *Viết từ hồ Sammamish* đưa người đọc trở lại với thiên nhiên.

Nếu chưa từng đến Seattle, người đọc có thể hình dung

hồ Sammamish qua lời kể của tác giả. Đó là một hồ nước dài khoảng mười một cây số, rộng hơn hai cây số, nằm về phía đông hồ Washington, thuộc tiểu bang Washington.

Nhà chị nằm trước một nhánh hồ, nơi mặt nước chia thành những ngả giống như một cửa sông nhỏ. Chung quanh là những khu rừng thông, tùng, bách và phong. Phía xa là dãy núi Cascade, và trong những ngày trời trong, đỉnh Rainier hiện ra như nét cọ cuối cùng của người họa sĩ.

Cách miêu tả của Trần Mộng Tú rất giàu hình ảnh. Mùa hạ có những cánh buồm trắng nhỏ trên mặt nước, trông xa như đàn sếu trắng. Mùa thu, rừng phong đổi màu, nhuốm sắc quan san. Mùa đông, núi Cascade phủ đầy tuyết trắng. Sau những cơn mưa, cầu vồng có thể xuất hiện từ đầu núi này sang chân núi kia.

Đọc những đoạn ấy, người đọc có cảm giác chị đang viết một bức tranh thủy mặc bằng ngôn ngữ.

Đặc biệt, tác giả kể rằng nhóm bạn văn ở Seattle đã đặt tên hồ Sammamish là "Giòng sông Thanh Thủy", lấy theo nhan đề một tác phẩm của nhà văn Nhất Linh. Việc đặt tên ấy có liên hệ đến tình cảm của nhóm bạn đối với Tự Lực Văn Đoàn, và đặc biệt là với nhà văn Nhất Linh.

Một chi tiết nhỏ nhưng có ý nghĩa đối với những người Việt xa quê. Họ sống ở Mỹ, nhìn ngắm một hồ nước Mỹ, nhưng lại muốn đặt cho nó một cái tên gợi nhớ đến văn chương Việt Nam. Cảnh vật của xứ người được đón nhận bằng tâm hồn của người Việt.

Tuy nhiên, điều thú vị nhất trong bài không phải là cảnh đẹp, mà là cách tác giả nhìn cảnh đẹp ấy. Chị viết: "*Chẳng biết nơi đâu là chốn quê nhà*". Rồi tiếp theo:

Nắng trên núi mưa dưới sông
Trong hân hoan đã mênh mông nỗi buồn
Bên kia bờ giải mây vương
Bên này tôi đứng mù sương với tình.

Bốn câu thơ diễn tả khá rõ tâm trạng của một người đã tìm được nơi cư ngụ đẹp đẽ, nhưng chưa chắc đã tìm được một nơi để gọi là quê nhà. Cảnh đẹp có thể làm con người vui, nhưng không nhất thiết làm cho nỗi buồn biến mất. Đôi khi chính cảnh đẹp lại làm nỗi buồn hiện rõ hơn, bởi người ta chợt nhớ đến một cảnh đẹp khác đã bỏ lại phía sau.

Người đọc hẳn sẽ thích cách tác giả tự nhận rằng mình không có thời giờ ngồi ngắm hồ suốt ngày, như một số bạn bè vẫn tưởng. Hồ Sammamish lúc nào cũng ở đó, thay hình đổi dạng theo giờ, theo ngày, theo mùa.

Có khi sáng sớm thức dậy, mở cửa phòng ra, chị không thấy hồ, không thấy núi, không thấy cây cối hay nhà cửa. Trước mắt chỉ là một vùng sương trắng như sữa, tràn vào tận hành lang, làm mất cả đường chân trời. Chị chạy xuống cầu thang, mở cửa chính, nhưng những bậc thềm cũng như biến mất. Mọi vật chìm trong sương. Chị tự hỏi nếu bước ra ngoài một bước, liệu mình có bị cuốn trôi đi không, và sẽ bị cuốn về đâu?

Đây là một đoạn văn rất đẹp, có chút huyền ảo, có chút hài hước, và cũng có chút gì đó gần với tâm trạng của

một người sống giữa hai thế giới. Hồ nước, núi non, sương mù và cầu vồng không chỉ là phong cảnh. Chúng còn là những trạng thái tâm hồn.

Đến cuối bài, chị viết rằng tất cả những bài thơ và bài văn của mình trong nhiều năm đều được viết từ căn phòng sách nhỏ nhìn ra hồ. Nếu có lúc chúng lơ mơ, lạ lẫm và "dấm dớ", thì đó là lỗi tại thổ ngơi.

Một câu kết rất Trần Mộng Tú!

Sau những trang viết có nhiều suy tư về chiến tranh, quê hương và lưu vong, chị bỗng quay sang đổ lỗi cho địa thế nơi mình cư ngụ. Cái hồ đẹp quá, sương mù nhiều quá, núi non thơ mộng quá, nên người viết mới có những ý tưởng lơ mơ như thế.

Đó là một cách tự trào đáng yêu. Người viết không tự nhận mình là thi sĩ lớn, cũng không cố giải thích những

điều mình viết. Chị chỉ nhẹ nhàng nói rằng nếu văn thơ có đôi chỗ không giống ai, thì xin độc giả thông cảm cho hoàn cảnh địa lý.

Cái duyên ấy làm cho bài viết trở nên gần gũi. Người đọc không chỉ thấy một nhà thơ đang say mê phong cảnh, mà còn thấy một người phụ nữ đang sống bình dị trong căn nhà của mình, bên cạnh một hồ nước, với một căn phòng sách nhỏ và những người bạn văn thường ghé thăm.

... Bốn tác phẩm, bốn cách nhìn, một tâm hồn

Đọc lại bốn tác phẩm trong *Seattle Xanh Mãi Ngàn Năm*, độc giả sẽ nhận thấy mỗi tác phẩm có một khung cảnh và một đề tài riêng, nhưng chúng cùng cho thấy những đặc điểm nổi bật trong văn chương Trần Mộng Tú.

Mùa mưa Seattle nói về ký ức. Một cơn mưa hiện tại gọi dậy những cơn mưa quá khứ, từ tuổi học trò, tuổi yêu đương cho đến những ngày tháng di tản. Mưa trở thành một phương tiện để người viết nối liền nhiều chặng đường đời.

Đưa em xuống phố nói về lòng nhân ái. Một cuộc đi chơi mùa thu tưởng như chỉ dành cho hai người yêu nhau, cuối cùng lại dẫn đến một khám phá về Chúa trong những người nghèo khổ, không nhà.

Ngụm cà phê tháng tư nói về thân phận lưu vong. Một ly cà phê trong quán nhỏ ở Bellevue đã làm sống dậy cả một tháng Tư đau thương. Người viết có thể đã sống ở

Mỹ nhiều năm, nhưng trái tim vẫn mang theo những vết thương của quê hương.

Viết từ hồ Sammamish nói về cảnh đẹp và tâm trạng. Một nơi cư ngụ tuyệt vời chưa chắc đã là quê nhà. Người ta có thể hân hoan trước cảnh vật, nhưng trong lòng vẫn có một nỗi buồn mênh mông.

Bốn bài viết, bốn hoàn cảnh, nhưng đều có một điểm chung: Trần Mộng Tú luôn nhìn sự vật bằng con mắt của một người có ký ức.

Chị không chỉ nhìn thấy mưa, mà còn nhìn thấy tuổi trẻ và chiến tranh trong mưa.

Chị không chỉ nhìn thấy một người vô gia cư, mà còn nhìn thấy hình ảnh Chúa trong những bàn chân thương tích.

Chị không chỉ nhìn thấy một ly cà phê, mà còn nhìn thấy những gia đình tan tác và một quê hương xa khuất.

Chị không chỉ nhìn thấy hồ Sammamish, mà còn nhìn thấy thân phận của một người đứng bên này bờ, nhìn sang bên kia mà không biết đâu mới thật sự là quê nhà.

Đó là một cách nhìn có chiều sâu. Người viết không cần phải tìm những đề tài lớn lao. Chỉ cần một sự vật bình thường, nếu biết nhìn bằng một tâm hồn phong phú, cũng có thể trở thành văn chương.

Về mặt nghệ thuật, Trần Mộng Tú có lối viết tương đối tự nhiên. Chị không cố làm cho câu văn trở nên cầu kỳ, không quá chú trọng những cấu trúc tu từ phức tạp.

Thơ và văn của chị thường được xây dựng bằng những hình ảnh cụ thể, những chi tiết đời thường và những liên tưởng bất ngờ.

Một ưu điểm khác là chị biết thay đổi giọng văn. Có khi trữ tình, có khi ngậm ngùi, có khi suy tư, nhưng đôi lúc lại hóm hỉnh và tinh nghịch. Sự thay đổi ấy giúp người đọc không bị chìm mãi trong một bầu không khí buồn bã.

Tuy nhiên, cũng có thể nhận thấy một vài đoạn văn trong *Ngụm cà phê tháng tư* nghiêng nhiều về ghi nhận những biến cố và nỗi đau lịch sử. Những chi tiết liên tiếp về hài cốt, nhà tù, những người tự sát và các gia đình ly tán đôi lúc làm cho mạch văn trở nên nặng nề. Nhưng có lẽ đó cũng là điều tác giả muốn giữ lại: một người không thể kể hết nỗi đau của mình chỉ bằng vài câu văn nhẹ nhàng.

Ngược lại, *Viết từ hồ Sammamish* có những đoạn miêu tả phong cảnh khá dài. Người đọc thích thưởng ngoạn thiên nhiên sẽ tìm thấy nhiều điều thú vị; người muốn đi nhanh đến câu chuyện chính có thể cảm thấy tác giả hơi say mê cảnh vật. Nhưng nếu hiểu rằng phong cảnh ấy chính là một phần đời sống tinh thần của người viết, ta sẽ thấy sự miêu tả ấy có lý do riêng.

Có thể thấy rằng giá trị của bốn tác phẩm không nằm ở chỗ chúng cùng nói về một đề tài, mà ở chỗ chúng mở ra bốn cửa sổ để người đọc nhìn vào một tâm hồn.

... THAY LỜI KẾT – Một người phụ nữ mang theo quê hương trong thơ

Chị Trần Mộng Tú có một may mắn mà không phải người cầm bút nào cũng có: chị vừa có một đời sống riêng phong phú, vừa có một cộng đồng độc giả yêu mến, vừa có những người bạn văn cùng chia sẻ những vui buồn của nghề viết, nhưng có lẽ điều đáng quý nhất vẫn là khả năng giữ được sự nhạy cảm của tâm hồn qua nhiều năm tháng.

Người ta thường nói thời gian làm cho con người quên đi những điều cũ. Nhưng đối với người viết, có những điều càng xa lại càng gần. Một cơn mưa Seattle có thể đưa người ta trở về Sài Gòn. Một ly cà phê ở Bellevue có thể làm sống lại tháng Tư năm 1975. Một buổi đi dạo mùa thu có thể dẫn đến một cuộc gặp gỡ với Chúa. Một hồ nước đẹp như tranh có thể làm người ta nhớ đến một quê nhà không còn biết tìm ở đâu.

Có lẽ đó là lý do tại sao thơ văn Trần Mộng Tú được nhiều người đọc, được phổ nhạc và được giới thiệu qua những bản dịch Anh ngữ. Những câu chuyện của chị tuy bắt nguồn từ một đời sống riêng, nhưng những tình cảm mà chị diễn tả lại không riêng của một người. Ai từng yêu thương, từng mất mát, từng xa quê, từng nhớ một người đã khuất, đều có thể tìm thấy một phần đời mình trong đó.

Tôi nhớ những bữa cơm trưa có chị Tú và chị Bùi Bích Hà, nhớ những câu thơ mới được chị đọc bên bàn ăn, nhớ những câu chuyện văn chương tưởng như không

bao giờ hết. Bây giờ nghĩ lại, tôi chợt thấy những buổi gặp gỡ ấy cũng giống như một phần của văn chương: bình dị, thân tình, không cần sắp đặt, nhưng còn lại rất lâu trong trí nhớ.

Chị Tú thường viết từ căn phòng sách nhỏ nhìn ra hồ Sammamish. Tôi không biết mỗi khi ngồi trước khung cửa ấy, chị nhìn thấy điều gì trước tiên: mặt hồ xanh, dãy núi xa, những đám mây, hay một cơn mưa sắp tới, nhưng tôi tin rằng ở một góc nào đó trong tâm hồn, chị vẫn nhìn thấy Sài Gòn, nhìn thấy những con đường cũ, những người thân, những bạn hữu, và những cơn mưa của một thời đã xa.

Có người đem theo quê hương trong hành lý. Có người giữ quê hương trong ký ức. Còn Trần Mộng Tú, chị đem quê hương vào thơ và văn. Và có lẽ nhờ thế, dù đã sống ở Seattle nhiều năm, chị vẫn có thể viết về mưa Sài Gòn, về tháng Tư, về những người Việt xa xứ, và về những nỗi buồn không dễ gọi thành tên.

Seattle có thể xanh mãi ngàn năm. Nhưng trong thơ Trần Mộng Tú, quê hương vẫn còn xanh trong một miền ký ức không bao giờ tắt.

Có người đem theo quê hương trong hành lý. Có người giữ quê hương trong ký ức. Còn Trần Mộng Tú, chị đem quê hương vào thơ và văn.

Phụ Lục

DIỄN VĂN GETTYSBURG

Diễn văn Gettysburg là diễn từ nổi tiếng nhất của Tổng thống Hoa Kỳ Abraham Lincoln, và là một trong những bài diễn văn được trích dẫn nhiều nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Được ông đọc tại Lễ Cung hiến Nghĩa trang Chiến sĩ Quốc gia ở Gettysburg, tiểu bang Pennsylvania ngày 19 tháng 11 năm 1863, trong thời Nội chiến Mỹ, bốn tháng rưỡi sau khi xảy ra mặt trận Gettysburg đẫm máu.

"Tám mươi bảy năm trước đây, các bậc tiền nhân của chúng ta đã khai sinh trên lục địa này một quốc gia mới, được thai nghén trong tự do và hiến mình cho lý tưởng rằng mọi người sinh ra đều bình đẳng.

Ngày nay, chúng ta đang trải qua một cuộc nội chiến lớn lao, thử thách xem quốc gia ấy, hay bất cứ quốc gia nào được khai sinh và hiến mình cho lý tưởng như thế, có thể trường tồn lâu dài hay không. Chúng ta đang có mặt tại chiến trường của một cuộc chiến tranh ấy. Chúng ta đến đây để dành một phần đất nơi này làm chốn an nghỉ cuối cùng cho những người đã hy sinh mạng sống để quốc gia được tồn tại. Đó là một việc làm thích đáng và chính đáng.

Nhưng, xét cho cùng, chúng ta không thể hiến dâng, không thể thánh hóa, cũng không thể làm cho mảnh đất này trở nên thiêng liêng hơn nữa. Những chiến sĩ quả cảm, dù còn sống hay đã khuất, đã chiến đấu tại đây,

chính họ đã làm cho nơi này trở nên thiêng liêng, vượt quá khả năng thêm bớt của chúng ta. Thế gian có thể ít chú ý, cũng có thể chẳng còn nhớ lâu những lời chúng ta nói hôm nay; nhưng thế gian sẽ không bao giờ quên những việc mà các chiến sĩ đã làm tại nơi này.

Vì thế, chúng ta, những người còn sống, phải tự hiến mình cho công việc còn dang dở mà những người đã chiến đấu tại đây đã tiến hành đến nay với bao cao đẹp. Chúng ta phải tự hiến mình nhiều hơn nữa cho nhiệm vụ lớn lao vẫn còn ở trước mắt. Chúng ta phải học hỏi từ những người đã khuất tinh thần tận tụy cao cả hơn đối với chính nghĩa mà họ đã dốc hết lòng theo đuổi đến giây phút cuối cùng. Chúng ta phải quyết tâm rằng những người đã hy sinh sẽ không chết một cách vô ích. Quốc gia này, dưới sự che chở của Thượng Đế, sẽ có một cuộc tái sinh của tự do; và chính quyền của dân, do dân và vì dân sẽ không bao giờ biến mất khỏi thế gian".

V.N. dịch.